TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỊNH QUÁN** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:174/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29-9-2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thúy Nga và ông Hoàng Xuân Mẫn.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phan Nguyễn Thành Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phước – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại Phòng xét xử A - Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 344/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 07 năm 2023, về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 134/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Ngọ Thị T**, sinh năm 1983

HKTT: tổ 1, ấp 1, xã Phú Ngọc, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Anh **Đinh Ngọc N**, sinh năm 1974

HKTT: tổ 1, ấp 1, xã Phú Ngọc, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

(Nguyên đơn có đơn xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Ngọ Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đinh Ngọc N kết hôn tự nguyện, chung sống với nhau vào năm 2003, có đăng ký kết hôn số 63, ngày 15-6-2005 tại UBND thị trấn Mađaguôi, huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh N đi uống rượu về nhà kiếm chuyện chửi bới vợ con và bạo hành vợ, gia đình có khuyên can nhưng anh N không nghe. Từ tháng 10/2021 đó đến nay 02 người không còn sống chung với nhau. Chị nhận thấy tình cảm thương yêu không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh N.

- Về nuôi con chung:có 02 con chung Đinh Ngọc B, sinh ngày 06/3/2004 và Đinh Thị Q, sinh ngày 27/9/2009. Hiện nay con chung Ngọc B đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu nuôi dưỡng. Khi ly

hôn, chị T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Đinh Thị Quyên, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 17 tháng 7 năm 2023 bị đơn anh Đinh Ngọc N trình bày: Về quan hệ hôn nhân anh N đồng ý như lời trình bày của chị T như trên về quan hệ hôn nhân. Tuy nhiên đến năm 2023 chị T bỏ về nhà mẹ ở tại địa chỉ: UBND thị trấn Mađaguôi, huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng vì anh có đánh đập vợ 01 lần. Hai người đã sống ly thân 01 tháng nay. Hiện anh còn tình cảm yêu thương dành cho vợ nên không đồng ý ly hôn với chị T.

Về nuôi con chung: có 02 con chung Đinh Ngọc B, sinh ngày 06/3/2004 và Đinh Thị Q, sinh ngày 27/9/2009. Hiện nay con chung Ngọc Bình đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu nuôi dưỡng. Đối với Quyên từ lúc sống ly thân thì chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, nay chị T yêu cầu được nuôi dưỡng Quyên thì anh không đồng ý, anh cũng yêu cầu được nuôi dưỡng Quyên và không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con.

Trước đây vợ chồng anh làm nghề buôn bán cá, thu nhập mỗi ngày khoảng 300.000đ đến 400.000đ. Chị T trực tiếp buôn bán, còn anh chỉ phụ giúp vợ. Từ khi chị T về sinh sống trên thị trấn Mađaguôi, huyện Đạ Huoai thì không còn buôn bán cá nữa. Hiện nay tôi đi làm phụ hồ, thu nhập mỗi ngày được 350.000đ. Từ lúc chị T mang con về nhà mẹ ruột ở thì anh có lên thăm con được 02 lần.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn có đơn xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T. Về hôn nhân: Cho chị T được ly hôn với anh N. Về con chung: Hiện nay Ngọc Bình đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên không ai phải nuôi dưỡng. Giao con chung Đinh Thị Quyền cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh N không phải cấp dưỡng nuôi con do chị không yêu cầu. Tài sản chung: tự thỏa thuận, nợ chung không có nên không xem xét. Về án phí: Chị T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Xác định thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Anh Đinh Ngọc N cư trú sinh sống tại ấp 1, xã Phú Ngọc, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai. Vì vậy, căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân

dân huyện Định Quán. Chị T yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con, vì vậy cần xác định quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Xác định tư cách đương sự: Ngày 07/7/2023, Tòa án thụ lý yêu cầu khởi kiện về việc chị T xin ly hôn với anh N. Căn cứ theo khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định chị là nguyên đơn, anh N là bị đơn trong vụ án.

[1.3]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xét xử vắng mặt; Bị đơn anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị T và anh N được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn số số 63, ngày 15-6-2005 tại UBND thị trấn Mađaguôi, huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Tại biên bản ghi lời khai ngày 17/7/2023, các biên bản xác minh ngày 10/8/2023 thể hiện vợ chồng anh chị có mâu thuẫn là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, gặp khó khăn về kinh tế. Anh N không có việc làm ổn định, thường xuyên uống rượu về nhà kiếm chuyện chửi bới đánh đập chị. Từ tháng 10/2021 đến nay hai người không còn chung sống với nhau, chị T đưa theo con bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống tại thị trấn Mađaguôi, huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng. Anh N cho rằng còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên từ khi Tòa án thụ lý vụ án thì anh chỉ đến Tòa án 01 lần vào ngày 17/7/2023, sau đó thì không đến tham gia tố tụng, có thái độ bỏ mặc không quan tâm mạnh ai nấy sống. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định, chị T và anh N đã không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận nên cho chị T được ly hôn với anh N.

- Về nuôi con chung: có 02 con chung Đinh Ngọc B, sinh ngày 06/3/2004 và Đinh Thị Q, sinh ngày 27/9/2009. Hiện nay con chung Ngọc B đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân, vì vậy không xem xét. Qua xác minh tại địa phương ngày 10/8/2023 thể hiện từ lúc sống ly thân đến nay thì chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm lo cho con. Bản thân chị làm nghề tự do buôn bán với mức thu nhập bình quân từ 300.000đ đến 400.000đ/ngày, đủ điều kiện nuôi con. Bên cạnh đó cháu Q cũng có đơn nguyện vọng mong muốn được mẹ nuôi dưỡng. Tại biên bản ghi lời khai ngày 17/7/2023 anh N yêu cầu được nuôi dưỡng Q. Tuy nhiên anh không có công việc ổn định, thường xuyên say xỉn uống rượu, không có thu nhập vì vậy không đủ điều kiện nuôi con. Để bảo đảm cuộc sống cho con chung phát triển tốt về mặt thể chất cũng như ổn định vấn đề tinh thần, tâm lý cho trẻ nên tiếp tục giao cháu Quyên cho chị T được nuôi dưỡng là có cơ sở. Căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và Gia đình, do chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời miễn cho anh N nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Đương sự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên khi có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn.

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 11, Điều 18, Điều 85, Điều 89, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 94 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngọ Thị T.

- Về hôn nhân: Chị Ngọ Thị T được ly hôn với anh Đinh Ngọc N.

- Về nuôi con chung: Con chung Đinh Ngọc B, sinh ngày 06/3/2004 đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân, vì vậy không xem xét.

Giao con chung Đinh Thị Q, sinh ngày 27/9/2009 cho chị Ngọ Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục. Tạm thời miễn cho anh N nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, anh N và chị T có quyền thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Đương sự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên khi có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

2. Về án phí: Chị Ngọ Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đ chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004524 ngày 07/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai được chuyển thành án phí.

3. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho chị T và anh N biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Định Quán;
- Chi cục THA DS huyện Định Quán;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND thị trấn Mađaguôi, huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng, số 63, ngày 15/06/2005 để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu Hồ sơ – Lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Lan